

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2024/DS-ST
Ngày 27-9-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Trung Nghĩa.

Ông Triệu Khánh Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2024/TLST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2024 “Về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đại H (Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M), sinh năm: 1973.

Địa chỉ: số C, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trần Diễm M1, sinh năm: 1996 “có mặt”.

Địa chỉ: số C, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền lập ngày 05/02/2024).

- Đồng bị đơn:

+ Ông Trần Văn H1, sinh năm: 1973 “vắng mặt”.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1977 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 02 năm 2024 nguyên đơn là ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh T) trình bày:

Vào ngày 24/4/2023, ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh T) có hợp đồng bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản cho ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P. Theo hợp đồng thì ông H sẽ cung cấp thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông H1 và bà P, đơn giá được thông báo trực tiếp theo đơn hàng, được xác nhận theo từng thời điểm và được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Sau khi nhận hàng thì ông H1 và bà P sẽ kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng, khi ông H1 và bà P thu hoạch tôm thì phải trả đủ tiền nợ, trường hợp nuôi thất vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán, nếu ông H1 và bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thì ông H có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu thanh toán dứt điểm tiền nợ.

Sau khi hợp đồng ông H đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, cung cấp đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu của ông H1 và bà P, sau khi nhận hàng thì ông H1 và bà P thống nhất về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá bán, nhưng sau khi thu hoạch tôm thì ông H1 và bà P không thực nghĩa vụ thanh toán dứt điểm tiền nợ theo hợp đồng. Tính đến ngày 06/11/2023 ông H1 và bà P còn nợ lại ông H số tiền 125.646.000 đồng. Do ông H1 và bà P không hoàn trả tiền cho ông H, nên ông H yêu cầu ông H1 và bà P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn nợ là 125.646.000 đồng, không tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông H.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn là ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P trình bày:

Vào ngày 24/4/2023, ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh T) có hợp đồng bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản cho ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P. Theo hợp đồng thì ông H sẽ cung cấp thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông H1 và bà P, đơn giá được thông báo trực tiếp theo đơn hàng, được xác nhận theo từng thời điểm và được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Sau khi nhận hàng thì ông H1 và bà P sẽ kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng, khi ông H1 và bà P thu hoạch tôm thì phải trả đủ tiền nợ cho ông H.

Sau khi hợp đồng ông H đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, cung cấp đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu của ông H1 và bà P, sau khi nhận hàng thì ông H1 và bà P thống nhất về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá bán, nhưng sau khi thu

hoạch tôm thì do nuôi tôm bị thất nên ông H1 và bà P không trả đủ tiền cho ông H theo hợp đồng. Tính đến ngày 06/11/2023 ông H1 và bà P còn nợ lại ông H số tiền 125.646.000 đồng. Từ đó đến nay ông H1 và bà P chưa hoàn trả số tiền nào cho ông H. Ông H1 và bà P thống nhất cùng có trách nhiệm hoàn trả cho ông H số tiền 125.646.000 đồng, nhưng ông H1 và bà P xin trả dần bằng cách khi nào nuôi tôm trúng thì sẽ trả dần cho đến khi dứt nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, chị Trần Diễm M1 yêu cầu ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M) số tiền nợ gốc là 125.646.000 đồng; ông H1 và bà P thống nhất hoàn trả cho ông H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M) số tiền nợ gốc là 125.646.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M), buộc ông H1 và bà P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M) số tiền 125.646.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M) kiện ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P là bị đơn cư trú tại khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền mua bán thức ăn tôm, nên Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P là đồng bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M) và ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị P:

Ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh T) có hợp đồng bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản cho ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P. Theo hợp đồng thì ông H sẽ cung cấp thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông H1 và bà P, đơn giá được thông báo trực tiếp theo đơn hàng, được xác nhận theo từng thời điểm và được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Sau khi nhận hàng thì ông H1 và bà P sẽ kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng, khi ông H1 và bà P thu hoạch tôm thì phải trả đủ tiền nợ cho ông H.

[3] Xét về nội dung và hình thức của hợp đồng: tại thời điểm các bên thực hiện hợp đồng mua bán, ông H và ông H1, bà P là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 398 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự, nên hợp đồng mua bán tài sản có hiệu lực pháp luật.

[4] Giữa ông Trần Đại H và ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P đã tự nguyện thực hiện giao dịch mua bán với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên bán giao đủ số lượng và chất lượng thức ăn tôm cho ông H1 và bà P, còn ông H1 và bà P không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua thức ăn cho ông H theo hợp đồng. Đến ngày 06/11/2023 ông H1 và bà P còn nợ tiền nợ này và có ký nhận nợ vào sổ theo dõi nợ, nên đây là tình tiết ông H không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu của ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M) về việc yêu cầu ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 125.646.000 đồng.

Do ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, nên ông H yêu cầu ông H1 và bà P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho ông H số tiền còn nợ là 125.646.000 đồng, ông H1 và bà P cũng thống nhất hoàn trả cho ông H số tiền 125.646.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của ông H là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự, nên Hội

đồng xét xử chấp nhận, xử buộc ông H1 và bà P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho ông H số tiền 125.646.000 đồng.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M), buộc Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M) số tiền 125.646.000 đồng. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến của ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P xin trả dân số tiền 125.646.000 đồng. Xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P cùng liên đới nộp số tiền 6.282.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông Trần Đại H (Chủ hộ kinh doanh T) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.141.150 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003171 ngày 09 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M).

Xử buộc ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M) số tiền là 125.646.000 đồng (*một trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh T) có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P không thực hiện việc trả nợ thì ông H1 và bà P còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị P cùng liên đới nộp số tiền 6.282.300 đồng (*sáu triệu hai trăm tám mươi hai ngàn ba trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh T) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.141.150 đồng (*ba triệu một trăm bốn mươi một ngàn một trăm năm mươi đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003171 ngày 09 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo

